

TÚC THÁI DƯƠNG BÀNG QUANG KINH: 67 HUYỆT**1. Tình minh**

Vị trí: Ở khước mắt trong

Cách lấy huyết: Góc mắt trong ra 0,1 thốn, dựa vào bờ trong xương hốc mắt (H. 69). Ngón tay trái của thầy thuốc áp và nhấn cầu mà lấy huyết.

Cách châm: Mũi kim đưa vào hốc mắt, châm đứng kim, sâu đến 0,5 thốn, tiến kim xong để nguyên, không nâng ấn kim, lưu kim 5-10 phút. Khi rút kim, day lỗ kim 2 phút, để phòng xuất huyết. Không cứu.

Chủ trị: Đau mắt, gặp gió chảy nước mắt, cận thị, quáng gà và các loại bệnh mắt.

Tác dụng phối hợp: Với *Hành gian*, *Túc tam lý* trị quáng gà; với *Thái dương*, *Ngư yêu* trị mắt sưng đau; với *Thừa khấp*, *Hợp cốc*, *Quang minh* trị cận thị.

2. Tán trúc

Vị trí: Ở chỗ lõm đầu lông mày

Cách lấy huyết: Ở đầu lông mày vào 0,1 thốn (H. 69)

Cách châm: Từ đầu lông mày, châm dưới da, mũi kim hướng ra ngoài hoặc chếch xuống, sâu 0,3-0,5 thốn, hoặc kim 3 cạnh chích nặn máu. Không cứu.

Chủ trị: Đầu đau, hoa mắt, xương ụ mày đau, ra gió chảy nước mắt, đau mắt liệt mặt, giác mạc có ban trắng.

Tác dụng phối hợp: Với *Ấn đường* trị viêm xoang trán; với *Đầu duy* trị đau đầu và mắt; với *Tán trúc* thấu *Ngư yêu* trị xương ụ mày đau, mắt đau.

3. Mi xung

Vị trí: Từ huyết *Tán trúc* thẳng lên vào mép tóc 0,5 thốn. (H. 69).

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cầm cứu.

Chủ trị: Đau đầu, choáng váng, bệnh mắt, điên dại.

4. Khúc sai

Vị trí: Từ huyết *Thần đình* ra mỗi bên 1. 5 thốn, từ mép tóc vào 0,5 thốn (H. 69).

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Đau phía trước đầu, hoa mắt, tắc mũi, chảy máu mũi.

5. Ngũ xú

Vị trí: Phía sau huyết *Khúc sai* 0,5 thốn (H. 69).

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Đau đầu, hoa mắt, điên dại.

6. Thừa quang

Vị trí: Phía sau huyệt Ngũ xứ 1. 5 thốn (H. 71).

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cầm cứu.

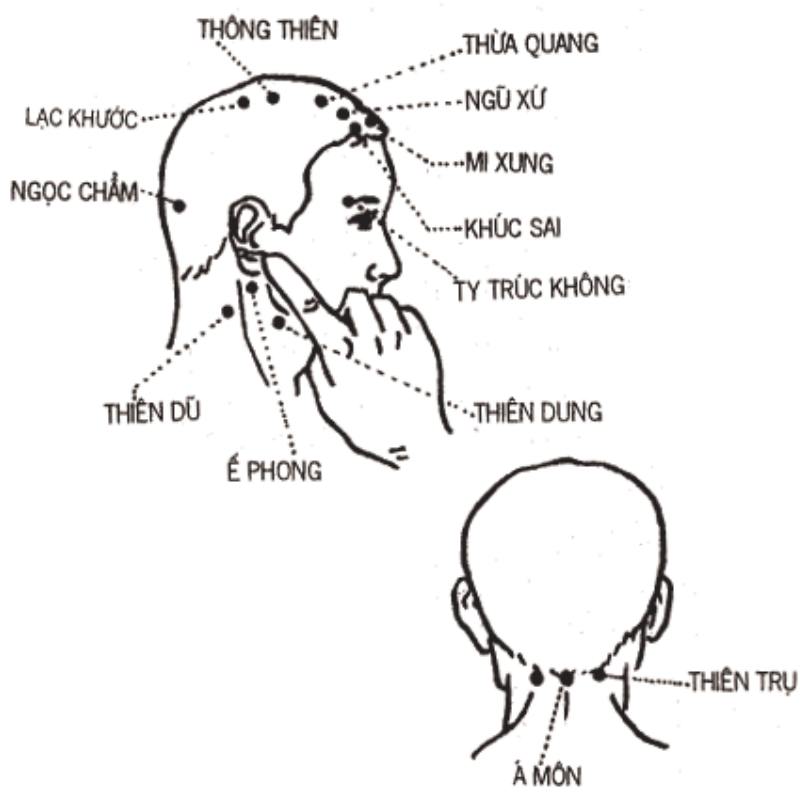
Chủ trị: Đau đầu, choáng váng, đục giác mạc dạng vảy cá, cảm mạo.

7. Thiên thông

Vị trí: Sau huyệt Thừa quang 1,5 thốn (H. 71)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Đau đỉnh đầu, viêm xoang, viêm mũi



Hình 71 - Hình 72

8. Lạc khước

Vị trí: Sau huyệt Thông thiên 1. 5 thốn (H. 71).

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Viêm mũi, tắc mũi, chảy máu mũi, đau đỉnh đầu, viêm phế quản mạn tính.

9. Ngọc châm

Vị trí: Sau huyệt Lạc khước 4 thốn, từ huyệt Nào hộ ra mỗi bên 1,3 thốn (H. 71).

Cách châm: Châm chéo kim, châm sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Choáng váng, đau phía sau đầu, cận thị.

10. Thiên trụ

Vị trí: Ở chân tóc sau gáy, chỗ lõm ngoài gân lớn.

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hoặc nằm sấp, từ huyết Á môn ra mỗi bên 1,3 thốn, khoảng bề ngang hai ngón tay, chỗ lõm ngoài gân lớn sau gáy (cơ thang) (H. 72).

Cách châm: Châm đứng kim, hoặc từ ngoài vào, sâu 0,5 đến 1 thốn. Không cứu.

Chủ trị: Đau phía sau đầu, cổ gáy bong gân, vai và bả vai đau, sái cổ, tắc mũi, mất ngủ.

Tác dụng phối hợp: Với Phong trì trị sốt cao không ra mồ hôi; với Hậu Khê trị sái cổ; với Dưỡng lão trị đau vai.

11. Đại trử

Vị trí: Dưới đốt sống lưng số 1 ra hai bên

Cách lấy huyết: Ngồi ngay, từ giữa gáy thẳng xuống, trước hết gấp ngay lồi cao xương sống, đó mà móm gai đốt cổ số 7, xuống thêm 1 đốt nữa, đó là đốt sống lưng số 1, ngay dưới đốt sống lưng số 1 này sang ngang mỗi bên 1,5 thốn là huyết (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3-7 mồi, hơ từ 10-20 phút.

Chủ trị: Ho hắng, đau răng, đau sau đầu, phát sốt, xương bả vai đau buốt, sốt rét.

Tác dụng phối hợp: Với Trường cường trị đau tức ở tiểu trường (sán thống).

12. Phong môn

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới đốt sống lưng số 2 sang mỗi bên 1,5 thốn (H. 68). Ngồi ngay lấy huyết.

Cách châm: Châm chéch kim (từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ sau ra trước), sâu 0,5 thốn. Cứu 5 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Cảm mạo, phát sốt, ho hắng, đau đầu, đau lưng trên, đau thất lưng.

Tác dụng phối hợp: Với Đại chùy hoặc Đào đạo trị cảm mạo, châm xong giác (bầu hút); với Khúc trì, Hợp cốc trị cảm mạo, sốt cao; với Phế du trị cảm mạo, ho, viêm phổi.

13. Phế du

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới đốt sống lưng 3 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp (H. 68)

Cách châm: Châm chéch kim, sâu 0,5 thốn. Cứu 5-7 mồi, hơ 5-20 phút

Chủ trị: Lao phổi, ho, hen, ho gà, viêm phổi trẻ em và các bệnh về phổi nói chung.

Tác dụng phối hợp: Với Thiên đột chữa ho hắng; với Nghinh hương trị chảy nước mũi không dứt; với Phong long trị đờm nhiều.

14. Quyết âm du

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới đốt sống lưng 4 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn.

Cách lấy huyết: Như *Phế du* (H. 68).

Cách châm: Châm chéch kim, sâu đến 0,5 thốn. Cứu 3-5 mũi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Đau tim, tim đập nhanh, mất ngủ, ho, đau ngực

Tác dụng phối hợp: Với *Thông lý* trị tim đập nhanh; với *Thần môn* trị đau tim

15. Tâm du

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới đốt sống lưng 5 sang ngang 1,5 thốn.

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp mà lấy (H. 68).

Cách châm: Châm chéch kim, sâu 0,5 thốn. Cứu 3-7 mũi, hơ 3-10 phút.

Chủ trị: Tim đập nhanh, rối loạn thần kinh tim, mất ngủ, động kinh, hay quên, di tinh.

Tác dụng phối hợp: Với *Thông lý* trị nhịp tim không đều; với *Thận du* trị di mộng tinh; với *Nội quan* trị bệnh tim do phong thấp.

16. Đốc du

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới mồm gai đốt sống lưng 6 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn (H. 68).

Cách châm: Châm chéch kim, sâu 0,5-1,5 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Viêm màng trong tim, sôi bụng, đau bụng, nấc, tức ngực, da dẻ mẩn ngứa.

17. Cách du

Vị trí: Từ giữa chỗ lõm dưới đốt sống lưng 7 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn (H. 68)

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp mà lấy huyết.

Cách châm: Châm chéch kim, sâu đến 0,5 thốn. Cứu 5 mũi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau sườn ngực, nấc, hen, ho hắng, ợ, khái huyết, thổ huyết, dị ứng mẩn ngứa, cột sống lưng trên đau.

Tác dụng phối hợp: Với *Chí dương* trị bệnh tim mạch, hoảng hốt; với *Khúc trì*, *Huyết hải* trị dị ứng mẩn ngứa.

18. Can du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 9 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn (H. 68).

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp mà lấy huyết.

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mũi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Các bệnh ở tạng Can, bệnh mắt, đau lưng, đau dạ dày, bệnh tâm thần.

Tác dụng phối hợp: Với *Đảm du*, *Vị du*, *Tỳ du* trị bệnh dạ dày, đau bụng; với *Túc tam lý* trị bệnh mắt nói chung; với *Mệnh môn* trị đau đầu.

19. Đảm du

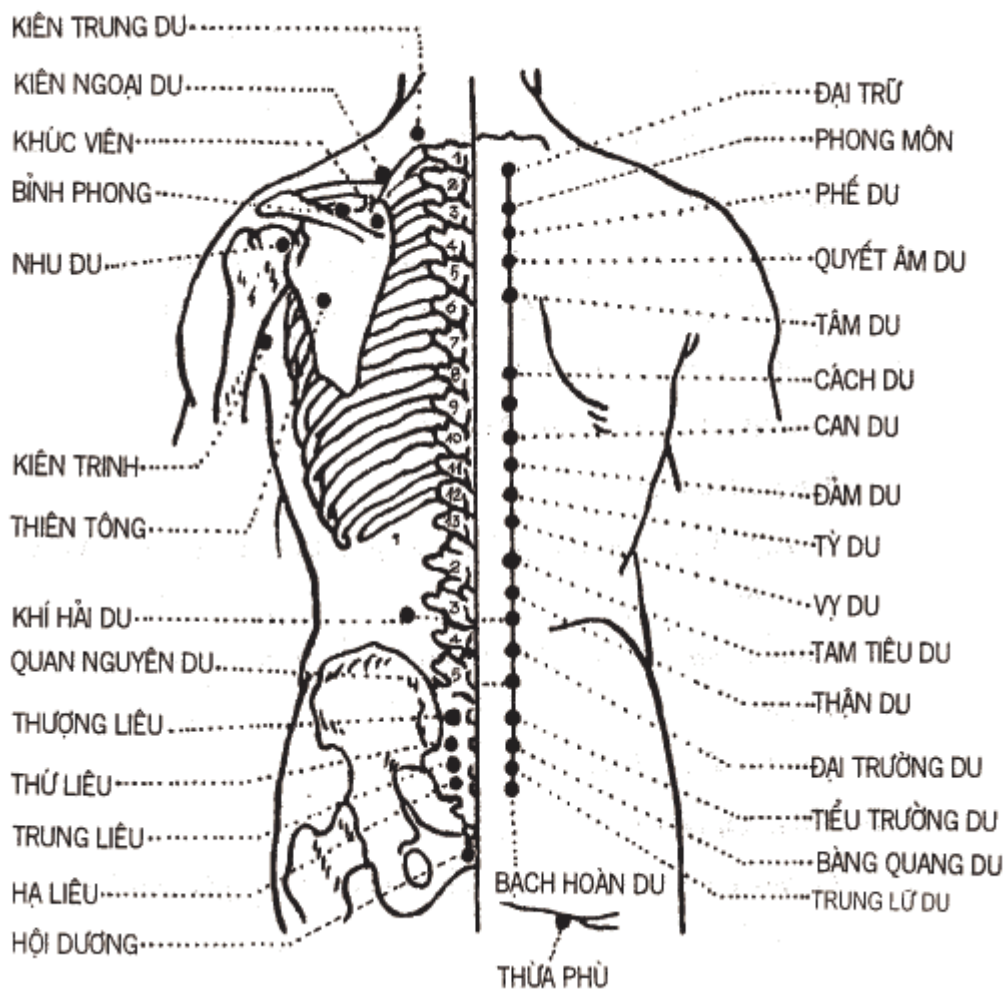
Vị trí: Dưới đốt sống lưng 10 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3-7 mỗi, hơ 5-15 phút

Chủ trị: Viêm gan, đắng miệng, đau sườn ngực, đau túi mật, giun chui ống mật, đau lưng trên, đau thắt lưng.

Tác dụng phối hợp: Với *Chi câu*, *Dương lăng tuyền* trị đau sườn; với *Cách du* (cả hai bên gọi là *Tứ hoa*) (cứu) chống suy nhược, phục hồi sức sau những trận ốm nặng.



Hình 68

20. Tỳ du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 11 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp lấy huyết (H. 68)

Cách châm: Đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 5 mỗi, hơ 10 phút.

Chủ trị: Tiêu hóa kém, nôn mửa, ỉa chảy, trướng bụng, phù thũng, trẻ em còi xương, dị ứng mẩn ngứa, viêm gan, kinh nguyệt không đều.

Tác dụng phối hợp: Với *Vị du* trị tiêu hóa kém.

21. Vị du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 12 sang ngang mỗi bên 1,5 thốn

Cách lấy huyết: Ngồi ngay hay nằm sấp lấy huyết (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 5 mỗi, hơ từ 5-20 phút.

Chủ trị: Trướng bụng, sôi bụng, đau dạ dày, nôn mửa, ỉa chảy, sa dạ dày, viêm gan.

Tác dụng phối hợp: Với *Tỳ du*, *Trung quản*, *Túc tam lý* trị viêm dạ dày mạn tính.

22. Tam tiêu du

Vị trí: Dưới đốt lưng 13 (đốt thắt lưng số 1) sang ngang mỗi bên 1,5 thốn. Ngồi ngay hay nằm sấp lấy huyết (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, hay hơi chếch kim xuống dưới, sâu 0,5-0,8 thốn. Cứu 3-5 mỗi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Đái dầm, ỉa chảy, lỵ, đau lưng.

Tác dụng phối hợp: Với *Khí hải*, *Đại trường du*, *Túc tam lý* chữa viêm thận cấp, mạn tính.

23. Thận du

Vị trí: Dưới đốt lưng 14 (đốt thắt lưng số 2) sang ngang mỗi bên 1,5 thốn, Ngồi ngay hay nằm sấp lấy huyết (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-0,8 thốn. Cứu 5 mỗi, hơ từ 5-20 phút

Chủ trị: Sáng sớm ỉa chảy (ngũ canh tiết), lưng và cột sống đau, đái dầm, di tinh, liệt dương, tai ù, phù thũng, kinh nguyệt không đều, đau bụng hành kinh, bế kinh, đái ra máu, khí hư.

Tác dụng phối hợp: Với *Mệnh môn*, *Tâm âm* giao trị liệt dương, di tinh, đái dầm; với *Tâm du* trị bệnh đái nhiều ở người già.

24. Khí hải du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 15 (đốt thắt lưng số 3) sang ngang 1,5 thốn. Ngồi ngay hay nằm sấp lấy huyết (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-1,5 thốn. Cứu 5 mỗi.

Chủ trị: Đau lưng, trĩ.

25. Đại trường du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 16 (đốt thắt lưng 4) sang ngang mỗi bên 1,5 thốn. Ngồi ngay ngấn hay nằm sấp lấy huyết (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3-5 mỗi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Đau lưng, ỉa chảy, lỵ, táo bón.

Tác dụng phối hợp: Với *Túc tam lý* trị ỉa chảy, đau bụng; với *Mệnh môn* hoặc *Dương quan* trị đau lưng.

26. Quan nguyên du

Vị trí: Dưới đốt sống lưng 17 (đốt thắt lưng số 5) sang ngang 1,5 thốn. Ngồi ngay ngắn hay nằm sấp lấy huyết (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-1,5 thốn. Cứu 5 mũi

Chủ trị: Đau lưng, viêm ruột, viêm bàng quang, viêm phần phụ, đái dầm

27. Tiểu trường du

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt 1 xương cùng sang ngang mỗi bên 1,5 thốn. Nằm sấp lấy huyết (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3-7 mũi, hơ 5-15 phút

Chủ trị: Đau xương cùng, di tinh, đái dầm, ỉa chảy, táo bón, khí hư

Tác dụng phối hợp: với Đại trường du, Thiên khu trị bệnh lỵ

28. Bàng quang du

Vị trí: Ở dưới mỏm gai thứ 2 xương cùng, sang ngang mỗi bên 1,5 thốn. Nằm sấp lấy huyết (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3-7 mũi, hơ 5-10 phút

Chủ trị: Đau cột sống, ỉa chảy, táo bón, đái dầm, di tinh, tiêu khát

Tác dụng phối hợp: Với Tỳ du trị tiêu hóa kém

29. Trung lữ du

Vị trí: Ngang lỗ thứ 3 xương cùng, cách giữa cột sống 1,5 thốn (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-1,5 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Viêm ruột, đau xương cùng, đau thần kinh tọa

30. Bạch hoàn du

Vị trí: Ngang lỗ thứ 4 xương cùng, cách giữa cột sống 1,5 thốn (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Đau thần kinh tọa, đau thần kinh xương cùng, viêm nội mạc tử cung.

31. Thượng liên

Vị trí: Giữa lỗ thứ 1 xương cùng (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1,5-3 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Viêm tinh hoàn, viêm phần phụ, kinh nguyệt không đều, tiểu tiện khó, các bệnh đường tiết niệu, lưng dưới đau, đau thần kinh tọa, trĩ, suy nhược thần kinh.

32. Thử liêu

Vị trí: Giữa lỗ thứ 2 xương cùng (H. 68)

Cách châm và chủ trị: Như trên

33. Trung liêu

Vị trí: Giữa lỗ thứ 3 xương cùng (H. 68)

Cách châm và chủ trị: Như trên

34. Hạ liêu

Vị trí: Giữa lỗ thứ 4 xương cùng (H. 68)

Cách châm và chủ trị: Như trên

35. Hội dương

Vị trí: Ở dưới xương cụt (đốt 1 sống cụt) sang ngang mỗi bên 0,5 thốn (H. 68)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-1,5 thốn. Cứu 5 mũi

Chủ trị: Hành kinh đau, khí hư quá nhiều, liệt dương, trĩ, ỉa chảy

36. Thừa phù

Vị trí: Giữa nếp lằn dưới mông. Nằm sấp lấy huyết (H. 73)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Không cứu

Chủ trị: Trĩ, chi dưới bại, táo bón, đau thần kinh tọa

Tác dụng phối hợp: Với *Dương lăng tuyền* trị đau khớp hông

37. Ân môn

Vị trí: Dưới huyết *Thừa phù* phù 6 thốn và nằm trên đường nối *Thừa phù* với *Ủy trung* (H. 73)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1,5-3 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Đau lưng trên dưới, chi dưới tê bại, bại liệt, đau thần kinh tọa

38. Phù kích

Vị trí: Huyết *Ủy dương* lên 1 thốn (H. 74)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mũi

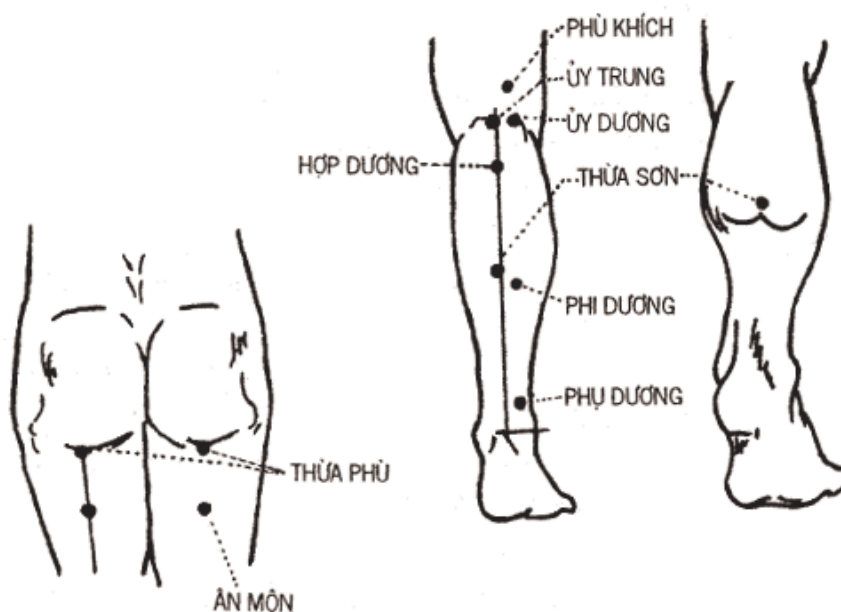
Chủ trị: Viêm bàng quang, táo bón, bí đái, cạnh ngoài chi dưới tê dại

39. Ủy dương

Vị trí: Co đầu gối, thấy hố lõm ngoài đầu nếp gấp khuỷu, ngoài huyết *Ủy trung* 1 thốn, giữa 2 gân (H. 74)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 2 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Cơ tam đầu căng chân tê bại, vai đau, lưng đau



Hình 73 - Hình 74

40. Ủy trung

Vị trí: Giữa nếp gấp sau khuỷu chân

Cách lấy huyết: Nằm sấp lấy huyết (H. 74)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn, cảm giác tê, tức lan tới mông, đầu ngón chân, có thể chích nặn máu. Không cứu

Chủ trị: Đau lưng, đau bụng, đau đầu gối, phát sốt, miệng khô, chân tay co rút, trĩ, say nắng, dị ứng mẩn ngứa

Tác dụng phối hợp: Với *Thận du* trị đau lưng; với *Khúc trì* trị say nắng, thổ tả

41. Phụ phân

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 2 sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-0,8 thốn. Cứu 3 mỗi

Chủ trị: Cổ và vai cứng đau, đau thần kinh liên sườn, khuỷu và cánh tay tê bại, đau đòn

42. Phách hộ

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 3, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1,5 thốn. Cứu 3 mỗi

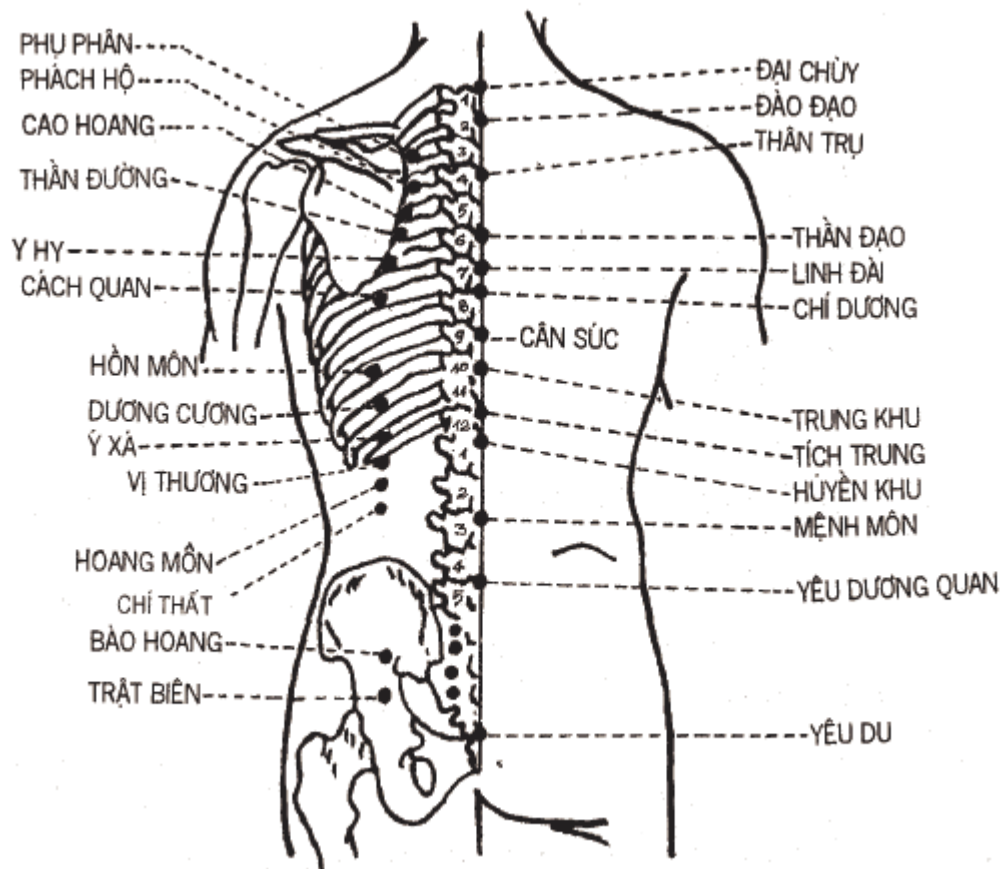
Chủ trị: Viêm phế quản, hen suyễn, viêm hung mạc, nôn mửa, đau xương bả vai, lao phổi

43. Cao hoang

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 4, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mỗi

Chủ trị: Viêm phế quản, suy nhược thần kinh, bệnh lâu ngày sức yếu, lao phổi, viêm hung mạc



Hình 75

44. Thần đường

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 5, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mồi

Chủ trị: Bệnh tim, viêm phế quản, hen suyễn, đau bả vai

45. Y hy

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 6, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mồi

Chủ trị: Viêm màng ngoài tim, đau thần kinh liên sườn, nấc, nôn mửa, choáng váng, hen suyễn

46. Cách quan

Vị trí: Dưới mỏm gai đốt sống lưng 7, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mồi

Chủ trị: Đau thần kinh liên sườn, nôn mửa, nấc, cột sống phía trên cứng đau

47. Hồn môn

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 9, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Bệnh gan, viêm màng trong tim, đau dạ dày, tiêu hóa kém, viêm hung mạc.

48. Dương cương

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 10, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Ỉa chảy, sôi ruột, đau bụng, vàng da

49. Ý xá

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 11, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Đau lưng trên, trướng bụng, tiêu hóa kém, bệnh gan, nôn mửa

50. Vị thương

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 12, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Đau dạ dày, nôn mửa, đau bụng, táo bón, đau cột sống phía trên

51. Hoang môn

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống lưng 13 (đốt thắt lưng 1) sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-1,5 thốn. Cứu 5 mũi

Chủ trị: Đau bụng trên, táo bón, viêm tuyến vú, gan và lá lách sưng to

52. Chí thất

Vị trí: Dưới mỗm gai đốt sống thắt lưng 2, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1 đến 1,5 thốn. Cứu 5 mũi

Chủ trị: Di tinh, liệt dương, tiểu tiện khó, phù thũng, sống lưng cứng đau

53. Bào hoang

Vị trí: Dưới mỗm gai thứ 2 xương cùng, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3 mũi

Chủ trị: Viêm ruột, lưng trên lưng dưới đau, bụng trướng, bí đại, căng bụng đại.

54. Trật biên

Vị trí: Dưới mỗm gai thứ 4 xương cùng, sang ngang mỗi bên 3 thốn (H. 75)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 2-3 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Viêm bàng quang, trĩ, đau thắt lưng, đau thần kinh tọa, chi dưới bại liệt, tê.

55. Hợp dương

Vị trí: Huyệ *Ủy trung* thẳng xuống 2 thốn (H. 74).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 5 mỗi.

Chủ trị: Lưng đau, đùi đau, chi dưới tê bại.

56. Thừa cân

Vị trí: Nằm giữa đường nối *Hợp dương* và *Thừa sơn*, giữa cơ sinh đôi (H. 74).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu đến 2 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Đau bụng, đau chân, trĩ, lưng cứng đau.

57. Thừa sơn

Vị trí: Ở sau bắp chân dưới (cẳng chân).

Cách lấy huyết: Đứng thẳng hoặc nằm sấp, ở sau bụng chân có một bắp thịt lớn, từ sau khuỷu xuống gót bắp thịt này, ở khoảng giữa có chia ra làm 2, tạo thành 1 rãnh lõm, nếu duỗi bàn chân, rãnh này hiện rõ thành hình chữ nhân, điểm gặp của 2 nét của chữ nhân nằm trên đường thẳng nối *Ủy trung* tới gót chân và cách *Ủy trung* 7 thốn, đó là huyết. (H. 74)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-1 thốn. Cứu 3-5 mỗi, hơ 5-15 phút.

Chủ trị: Đau lưng, đau đùi, chuột rút bắp chân, táo bón, lòi dom, trĩ, tay chân đau buốt.

Tác dụng phối hợp: Với *Trường cường*, chữa lòi dom, cứu trĩ; với *Âm lăng tuyền* trị đau ngực; với *Côn luân* trị đau gót chân.

58. Phi dương

Vị trí: Ở sau mắt cá ngoài chân lên 7 thốn. (H. 74)

Cách lấy huyết: Ngồi ngay, để thông chân, từ mắt cá ngoài lên 7 thốn, khoảng gần huyết *Thừa sơn* chéo xuống và ra ngoài 1 thốn.

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,8-1,5 thốn. Cứu 3-5 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, hoa mắt, đau lưng, phù thũng, đá ít, lưng đùi mềm mỗi.

Tác dụng phối hợp: Với *Trung cực*, *Âm lăng tuyền* trị viêm bàng quang.

59. Phụ dương

Vị trí: Từ huyết *Côn luân* lên 3 thốn (H. 74)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mỗi

Chủ trị: Đau đầu, đau xương cụt, mắt cá chân sưng đau.

60. Côn luân

Vị trí: Chỗ lõm sau mắt cá ngoài chân. (H. 76)

Cách lấy huyết: Bàn chân để ngang bằng, ở phía sau mắt cá ngoài 0,5 thốn, chỗ giữa mắt cá và gân gót, đối chiều với *Thái khê* ở phía trong.

Cách châm: Châm đứng kim, mũi kim hướng về phía mắt cá trong, sâu 0,3-0,5 thốn, phụ nữ có thai cấm châm. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, đau lưng, đau răng, bong gân khớp khuỷu tay, chuột rút, co gân chi dưới, uồn ván (ngực bụng ưỡn ra trước), chi dưới liệt, trẻ em co giật, khó đẻ.

Tác dụng phối hợp: Với *Uỷ trung* trị đau lưng; với *Thân mạch* trị sưng chân; với *Thái khê* (cứu) cấp cứu chứng thân nhiệt giảm thấp.

61. Bỗ tham

Vị trí: Ở phía dưới và sau mắt cá ngoài, thẳng *Côn luân* xuống 1,5 thốn, chỗ lõm cạnh gót chân (H. 76)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mỗi

Chủ trị: Gót chân đau, chi dưới mềm yếu, vô lực

62. Thân mạch

Vị trí: Chỗ lõm thẳng mắt cá ngoài xuống

Cách lấy huyết: Ngồi ngay, huyết cách mắt cá ngoài xuống 0,5 thốn. (H. 76)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau đầu, choáng váng, động kinh.

Tác dụng phối hợp: Với *Thái khê* trị điên giã; với *Tam túc lý* trị cước khí, cũng chữa đau lưng.

63. Kim môn

Vị trí: Phía trước và dưới mắt cá chân ngoài (H. 76)

Cách lấy huyết: Bàn chân ngay ngắn, từ *Thân mạch* xuống và ra trước 0,5 thốn chỗ lõm giữa 2 đốt xương cổ chân xuống.

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-0,8 thốn. Cứu 3-7 mỗi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Đau mắt cá ngoài, đau chi dưới, đau lưng, đau đầu, điên dại.

Tác dụng phối hợp: Với *Côn luân* trị đau khớp cổ chân.

64. Kinh cốt

Vị trí: Ở cạnh ngoài bàn chân, phía dưới đầu mẫu xương to (đầu trong xương bàn ngón út) (H. 76)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3-7 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Tim hồi hộp, đau đầu, mộng thị ở mắt, lưng đùi đau, điên dại.

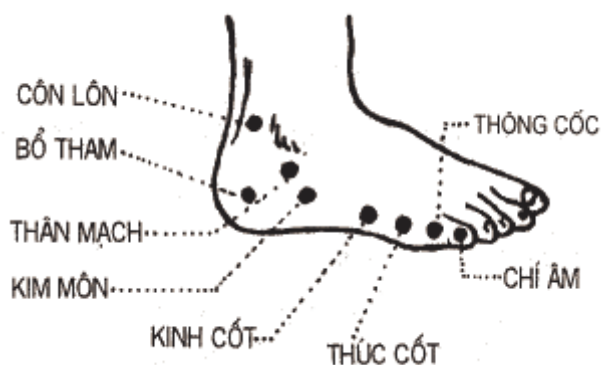
Tác dụng phối hợp: Với *Thân mạch* trị đầu phong đau đầu.

65. Thúc cốt

Vị trí: Ở chỗ lõm cạnh ngoài, sau đầu nhỏ xương bàn chân nối với ngón 5 (H. 76)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Đau đầu, cứng gáy, hoa mắt, lưng đùi đau, động kinh.



Hình 76

66. Thông cốt

Vị trí: Chỗ lõm phía trước khớp bàn và ngón út (H. 76)

Cách châm: Đứng kim, sâu 0,2-0,3 thốn. Cứu 3 mũi.

Chủ trị: Đau đầu hoa mắt, cứng gáy, tiêu hóa kém, chảy máu mũi, bệnh tinh thần, hay ngáp.

67. Chí âm

Vị trí: Ở cạnh ngoài gốc móng ngón út, cách gốc móng khoảng hơn 0,1 thốn (H. 76)

Cách châm: Châm chếch kim, sâu 0,1 thốn, thường chích nặn máu.

Chủ trị: Đau đầu, mất ngủ, đau mắt, khó đẻ, lệch ngôi thai (dùng ngải để cứu chỉnh ngôi thai).

Tác dụng phối hợp: Với Tam túc lý trị dễ khó.